

Số: 517 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19
(Từ 16h00 ngày 12/4/2022 đến 16h00 ngày 13/4/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Tổng số ca mắc trên thế giới vượt 501,2 triệu ca, trên 6,2 triệu ca tử vong. Trong một ngày qua, Hàn Quốc tiếp tục là nước có số ca mắc mới cao nhất (trên 210.000 ca), trong khi Mỹ là quốc gia có số ca tử vong trong ngày cao nhất với 505 ca. Châu Âu có 562.300 ca nhiễm mới và 1.660 ca tử vong; châu Á có 328.700 ca nhiễm mới và gần 580 ca tử vong; Bắc Mỹ có 43.500 ca nhiễm mới và gần 590 ca tử vong.

Hàn Quốc phát hiện ca nhiễm biến thể XL đầu tiên: Ngày 12/4, Hàn Quốc phát hiện trường hợp đầu tiên trong nước mắc biến thể XL tái tổ hợp từ biến thể Omicron. Đây là một ca mắc COVID-19 không triệu chứng và đã tiêm đủ ba mũi vaccine. Cơ quan y tế Hàn Quốc nhận định biến thể tái tổ hợp XL sẽ không có sự thay đổi đặc tính lớn, nhưng cần tiếp tục theo dõi sát sao. Chính phủ Hàn Quốc dự kiến công bố “Kế hoạch hậu Omicron” vào cuối tuần này. Theo đó, Hàn Quốc tiếp tục bãi bỏ các biện pháp giãn cách phòng dịch theo hướng khôi phục cuộc sống bình thường cho người dân.

Ngày 12/4, Italy đã bắt đầu tiến hành tiêm mũi vaccine phòng COVID-19 thứ tư cho những người trên 80 tuổi, các thành viên trong nhà dưỡng lão và những người trên 60 tuổi thuộc nhóm dễ bị tổn thương.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 13/4/2022, cả nước ghi nhận 10.297.587 ca mắc, trong đó 10.291.410 ca trong nước. Đến nay đã có 8.770.994 người khỏi bệnh, 42.858 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 10.294.735 ca, trong đó có 10.289.840 ca trong nước, 8.768.177 người đã khỏi bệnh (85,2%), 42.823 tử vong tại 60 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày

1. Số ca mắc mới trong ngày

- Ghi nhận 22.804 ca dương tính, trong đó có 22.804 ca ghi nhận trong nước tại 63 tỉnh thành phố:

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm tăng nhiều nhất so với ngày trước đó: Đắk Lắk (+385), Bắc Kạn (+309), Phú Thọ (+197).

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm giảm nhiều nhất so với ngày trước đó: Hà Giang (-455), Nghệ An (-424), Gia Lai (-173).

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 19.823 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 80,5% tổng số mắc trong ngày), tăng 2.448 ca so với ngày trước đó.

+ Tỉnh Phú Thọ: Trong ngày ghi nhận 1.139 ca thông qua sàng lọc (tăng 123 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 304.204 ca.

+ Tỉnh Vĩnh Phúc: Trong ngày ghi nhận 1.019 ca cộng đồng (tăng 281 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 357.394 ca.

+ TP. Hồ Chí Minh: Trong ngày ghi nhận 848 ca thông qua sàng lọc (tăng 190 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 603.976 ca.

+ Tỉnh Đắk Lắk: Trong ngày ghi nhận 828 ca cộng đồng (giảm 101 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 163.236 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: Bắc Giang tăng 366 ca, Ninh Thuận tăng 5 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: Đắk Lắk (giảm 9.107 ca), Quảng Ninh (giảm 7.127 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 8.768.177 người đã khỏi bệnh (85,2%), tăng 13.887 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 1.483.735 trường hợp, trong đó có 1.205 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 897 (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 115; (3) Thở máy không xâm lấn: 32; (4) Thở máy xâm lấn: 158 (5) Thở ECMO: 3.

- Trong ngày 12/4, ghi nhận 28 trường hợp tử vong (tăng 11 ca so với ngày trước đó), tại: Quảng Nam (3), Bắc Kạn (2), Gia Lai (2 ca trong 2 ngày), Hà Nội (2), Hải Dương (2), Hậu Giang (2), Kiên Giang (2), Phú Thọ (2), Bến Tre (1), Bình Dương (1), Bình Phước (1), Đắk Lắk (1), Đồng Tháp (1), Hà Nam (1), Khánh Hòa (1), Lâm Đồng (1), Phú Yên (1), Quảng Bình (1), Tây Ninh (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Tiếp tục chỉ đạo các địa phương tăng cường giám sát, phát hiện sớm các trường hợp nghi ngờ mắc COVID-19 tại cộng đồng, các trường hợp có biểu hiện ho, sốt để kịp thời khoanh vùng, cách ly, xử lý triệt để ổ dịch không để lây lan, bùng phát rộng; đồng thời triển khai tốt các hoạt động y tế, tránh lây nhiễm chéo trong cách ly, khu phong tỏa.

- Bộ Y tế tiếp tục chủ động bám sát diễn biến tình hình dịch do chủng mới Omicron gây ra; thường xuyên trao đổi với Tổ chức Y tế thế giới để cập nhật thông tin, kịp thời, chính xác về biến chủng này; Chỉ đạo các địa phương tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch; đặc biệt công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng, chống dịch.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 12/4/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 44.984.165 mẫu cho 89.259.490 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 39.244.468 mẫu tương đương 85.511.551 lượt người, tăng 150.225 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 7.053.499 mẫu gộp cho 49.850.538 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Từ tháng 3/2021 đến ngày 13/4/2022, đã tiếp nhận 232,6 triệu liều vắc xin phòng COVID-19, cụ thể:

| TT | Loại vắc xin | Nguồn Ngân sách nhà nước mua | Nguồn viện trợ, tài trợ | | | | Tổng số vắc xin đã tiếp nhận |
|------------|--|------------------------------|-------------------------|----------------|-----------------------------|----------------------|------------------------------|
| | | | Tổng viện trợ, tài trợ | Viện trợ COVAX | Viện trợ Chính phủ các nước | Tài trợ doanh nghiệp | |
| | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6)=2+3+4+5 | |
| 1 | AstraZeneca | 31.436.236 | 33.786.840 | 13.572.980 | 19.827.460 | 386.400 | 65.223.076 |
| 2 | Pfizer | 50.999.130 | 43.324.890 | 38.732.850 | 4.592.040 | 0 | 94.324.020 |
| 3 | Moderna | 0 | 14.077.160 | 14.036.360 | 40.800 | 0 | 14.077.160 |
| 4 | Sinopharm | 20.000.000 | 32.261.200 | 61.200 | 7.200.000 | 25.000.000 | 52.261.200 |
| 5 | Abdala | 5.000.000 | 150.000 | 0 | 150.000 | 0 | 5.150.000 |
| 6 | Sputnik V | 0 | 1.508.998 | 0 | 32.000 | 1.476.998 | 1.508.998 |
| 7 | Sputnik Light | 0 | 100.000 | 0 | 100.000 | 0 | 100.000 |
| I | Tổng số vắc xin đã tiếp nhận | 107.435.366 | 125.209.088 | 66.403.390 | 31.942.300 | 26.863.398 | 232.644.454 |
| II | Số vắc xin đã phân bổ | | | | | | 211.018.076 |
| III | Số vắc xin viện trợ cho Lào | | | | | | 500.000 |
| IV | Số vắc xin còn lại chưa phân bổ¹ | | | | | | 21.126.378 |

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 232,6 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 211 triệu liều và viện trợ cho Lào 500.000 liều vắc xin AstraZeneca, còn khoảng 21,1 triệu liều chưa phân bổ phần lớn do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin, ngoài ra một lượng lớn vắc xin Pfizer đang chờ được cung ứng nước muối sinh lý pha tiêm đi kèm.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 12/4/2022

Cả nước đã tiêm 208.810.706 liều (trong ngày tiêm được 137.939 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 99,0% số vắc xin phân bổ 141 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

| Đối tượng ² | Mũi 1 | Mũi 2 | Mũi 3* |
|------------------------|--------|-------|--------|
| Người lớn (>=18 tuổi) | 100,0% | 100% | 51,6% |
| Trẻ em (12-17 tuổi) | 99,9% | 95,3% | - |

Ghi chú: (*) Mũi nhắc lại

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 191.576.060 liều:

+ Mũi 1: 71.386.960 liều

+ Mũi 2: 69.996.649 liều ; Mũi bổ sung: 15.019.368 liều.

+ Mũi 3: 35.173.083 liều

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 17.234.646 liều:

+ Mũi 1: 8.822.035 liều

¹ 21 triệu liều chưa phân bổ gồm: 7 triệu liều Pfizer mua; 2,2 triệu liều Pfizer cho Chính phủ Úc viện trợ; 11,8 triệu liều Pfizer do COVAX viện trợ.

² Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có).

+ Mũi 2: 8.412.611 liều.

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

VIII. Nhận định

Kể từ khi xuất hiện, sau hơn hai năm dịch COVID-19 do các biến thể mới của SARS-CoV-2 liên tục xuất hiện, khiến quá trình lây lan nhanh hơn và mức độ nhiễm bệnh nhiều hơn so với chủng ban đầu³. Đến nay, hầu hết các quốc gia đã nới lỏng các biện pháp phòng chống dịch COVID-19, một số quốc gia Đông Nam Á đã đưa ra tiêu chí để coi COVID-19 là bệnh lưu hành như Indonesia, Thái Lan⁴. Trong khi đó, Trung Quốc vẫn duy trì chiến lược "Zero Covid" và hàng loạt các biện pháp phong tỏa, cách ly và xét nghiệm quy mô lớn để ngăn chặn sự lây lan của dịch. Dịch COVID-19 đang có diễn biến phức tạp tại Thượng Hải, Hồng Kông. Tại Việt Nam, dịch bệnh cơ bản đang được kiểm soát trên phạm vi cả nước. Từ cuối tháng 12/2021, sau khi ghi nhận ca mắc đầu tiên biến thể Omicron, số mắc cả nước tăng cao nhất trong 03 tuần đầu của tháng 3 do biến thể Omicron đã chiếm chủ đạo về số mắc, sau đó giảm mạnh từ cuối tháng 3 đến nay, số ca mắc cộng đồng trung bình 25.000 ca/ngày và tử vong trung bình 25 ca/ngày trong 7 ngày qua.

IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục tổ chức triển khai hiệu quả Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 17/3/2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình phòng, chống dịch COVID-19; tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng, nhất là nhóm 5 đến dưới 12 tuổi. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh; nâng cao ý thức cá nhân trong việc chủ động, tự giác thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch; thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế trong quản lý, điều trị người nhiễm COVID-19 tại nhà; tăng cường truyền thông về tiêm chủng và vận động đưa trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi tham gia tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 an toàn.

2. Các địa phương

2.1. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn sử dụng thuốc điều trị COVID-19. Trong đó ưu tiên những người thuộc đối tượng chống chỉ định cần được tư vấn, thăm khám (kể cả trực tuyến) để đảm bảo sử dụng thuốc được an toàn.

2.2. Đánh giá xu hướng tăng/giảm ca nặng, số ca nhập viện so với số ca mắc để đánh giá nguy cơ tình hình dịch, không để quá tải hệ thống y tế.

2.3. Tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng, bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin; tăng cường vận động người dân tiêm vắc xin, đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người để tránh bỏ sót; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh rà soát và tổ chức tiêm liều cơ bản và liều bổ sung cho người trên 50 tuổi, người có bệnh nền đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở; sau khi đã tiêm đủ liều cơ bản thì triển khai tiêm liều bổ sung và liều nhắc lại theo thứ tự ưu tiên; chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực để tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi ngay khi có vắc xin.

2.4. Nâng cao năng lực thu dung, điều trị; giảm tối đa các trường hợp tử vong; chủ động, sẵn sàng các các biện pháp phòng, chống dịch theo diễn biến dịch bệnh trên địa bàn nhằm phát hiện sớm, điều trị sớm, hạn chế tối đa các trường hợp chuyển biến nặng, tử

Biến thể Alpha (ghi nhận tại Anh); Beta (Nam Phi); Gamma (Brazil), Delta (Ấn Độ), MU (Colombia), Omicron (Nam Phi) với nhiều biến thể phụ BA.1, BA.2, biến thể IHU (Pháp), gần đây là biến thể XE.

Báo cáo số 1031/BC-BNG-THKT ngày 22/3/2022 của Bộ Ngoại giao.

vong; tăng cường theo dõi, giám sát sức khỏe người nhiễm vi rút để kịp thời liên hệ với cơ sở y tế ngay khi có nhu cầu.

3. Bộ Y tế:

3.1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tiêm chủng, bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin theo kế hoạch; đảm bảo cung ứng vắc xin đầy đủ và chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực để tiêm chủng cho nhóm trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi ngay sau khi được cung ứng vắc xin. Tiếp tục nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm quốc tế về việc tiêm mũi tăng cường 4 và tiêm cho trẻ dưới 5 tuổi.

3.2. Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, đánh giá, điều chỉnh, cập nhật các hướng dẫn chuyên môn trong phòng chống dịch trong giám sát, điều trị đảm bảo thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19.

3.3. Tiếp tục đảm bảo thuốc điều trị; tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đơn vị nhập khẩu, sản xuất thuốc điều trị COVID-19; thúc đẩy thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, sản xuất vắc xin, thuốc điều trị COVID-19 trong nước.

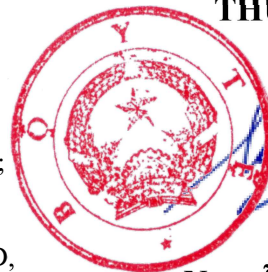
4. Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách về an ninh, an toàn trật tự xã hội, an sinh xã hội, vận động, huy động nguồn lực, tài chính, công tác dân vận để Nhân dân yên tâm lao động sản xuất, kinh doanh, ổn định cuộc sống; tạo điều kiện thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống dịch và phục hồi phát triển kinh tế xã hội.

5. Đẩy mạnh tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh; nâng cao ý thức cá nhân trong việc chủ động, tự giác thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch; thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế trong quản lý, điều trị người nhiễm COVID-19 tại nhà, không áp dụng theo các hướng dẫn từ các nguồn thông tin không tin cậy, chưa được kiểm chứng. Ngăn chặn hiệu quả các luận điệu xuyên tạc, sai trái, chống đối công tác phòng, chống dịch.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trường Sơn

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

| TT | Địa phương, đơn vị | Số mắc ngày 12/4 | Số mắc ngày 13/4 | Tăng, giảm (-) so với ngày trước | Số mắc tích lũy đến 13/4 | Số tử vong tích lũy đến 12/4 |
|---|--------------------|------------------|------------------|----------------------------------|--------------------------|------------------------------|
| Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua: | | 22.804 | 24.623 | 1819 | 10.289.638 | 42.823 |
| 1 | Hà Nội | 1.942 | 1.727 | -215 | 1.527.942 | 1.221 |
| 2 | Hồ Chí Minh | 658 | 848 | 190 | 603.976 | 20.475 |
| 3 | Nghệ An | 1.046 | 989 | -57 | 418.676 | 144 |
| 4 | Bình Dương | 136 | 260 | 124 | 382.112 | 3.459 |
| 5 | Bắc Giang | 1.012 | 730 | -282 | 377.326 | 91 |
| 6 | Vĩnh Phúc | 915 | 1147 | 232 | 357.394 | 19 |
| 7 | Hải Dương | 520 | 897 | 377 | 355.138 | 115 |
| 8 | Bắc Ninh | 260 | 434 | 174 | 335.269 | 132 |
| 9 | Quảng Ninh | 905 | 914 | 9 | 326.244 | 138 |
| 10 | Phú Thọ | 1.384 | 1627 | 243 | 304.204 | 91 |
| 11 | Nam Định | 176 | 390 | 214 | 291.015 | 148 |
| 12 | Thái Bình | 643 | 511 | -132 | 260.533 | 23 |
| 13 | Hung Yên | 462 | 464 | 2 | 235.892 | 5 |
| 14 | Hòa Bình | 278 | 422 | 144 | 201.591 | 104 |
| 15 | Thái Nguyên | 593 | 566 | -27 | 178.031 | 110 |
| 16 | Lào Cai | 988 | 752 | -236 | 173.176 | 37 |
| 17 | Thanh Hóa | 161 | 136 | -25 | 165.391 | 104 |
| 18 | Đắc Lắc | 1.092 | 943 | -149 | 163.236 | 177 |
| 19 | Lạng Sơn | 366 | 513 | 147 | 152.844 | 84 |
| 20 | Cà Mau | 296 | 286 | -10 | 148.871 | 352 |
| 21 | Tuyên Quang | 823 | 779 | -44 | 148.293 | 14 |
| 22 | Sơn La | 287 | 425 | 138 | 146.797 | |
| 23 | Yên Bái | 1.102 | 972 | -130 | 140.048 | 13 |
| 24 | Bình Định | 205 | 169 | -36 | 136.993 | 278 |
| 25 | Tây Ninh | 235 | 357 | 122 | 135.473 | 868 |
| 26 | Quảng Bình | 486 | 472 | -14 | 120.881 | 75 |
| 27 | Hải Phòng | 123 | 169 | 46 | 118.767 | 135 |
| 28 | Hà Giang | 209 | 118 | -91 | 118.644 | 80 |
| 29 | Khánh Hòa | 83 | 98 | 15 | 117.176 | 350 |
| 30 | Bình Phước | 215 | 255 | 40 | 116.023 | 220 |
| 31 | Đồng Nai | 4 | 15 | 11 | 106.529 | 1.844 |
| 32 | BRVT | 85 | 228 | 143 | 104.120 | 483 |
| 33 | Đà Nẵng | 235 | 383 | 148 | 99.492 | 326 |
| 34 | Vĩnh Long | 189 | 248 | 59 | 98.543 | 810 |
| 35 | Ninh Bình | 157 | 245 | 88 | 96.781 | 89 |
| 36 | Bến Tre | 79 | 135 | 56 | 95.144 | 467 |
| 37 | Cao Bằng | 489 | 548 | 59 | 91.106 | 53 |
| 38 | Lâm Đồng | 340 | 562 | 222 | 88.200 | 134 |
| 39 | Điện Biên | 156 | 235 | 79 | 85.583 | 19 |
| 40 | Hà Nam | 230 | 238 | 8 | 81.316 | 61 |
| 41 | Quảng Trị | 237 | 336 | 99 | 78.568 | 36 |
| 42 | Lai Châu | 270 | 316 | 46 | 71.113 | |
| 43 | Bắc Kạn | 999 | 850 | -149 | 68.204 | 26 |
| 44 | Trà Vinh | 47 | 58 | 11 | 65.279 | 292 |
| 45 | Gia Lai | 311 | 287 | -24 | 63.645 | 111 |

| TT | Địa phương, đơn vị | Số mắc ngày 12/4 | Số mắc ngày 13/4 | Tăng, giảm (-) so với ngày trước | Số mắc tích lũy đến 13/4 | Số tử vong tích lũy đến 12/4 |
|--|--------------------|------------------|------------------|----------------------------------|--------------------------|------------------------------|
| 46 | Đắc Nông | 158 | 136 | -22 | 52.272 | 46 |
| 47 | Phú Yên | 100 | 88 | -12 | 51.678 | 134 |
| 48 | Bình Thuận | 42 | 149 | 107 | 51.712 | 468 |
| 49 | Đồng Tháp | 5 | 32 | 27 | 50.254 | 989 |
| 50 | Cần Thơ | 7 | 4 | -3 | 49.327 | 934 |
| 51 | Long An | 57 | 59 | 2 | 48.373 | 990 |
| 52 | Quảng Nam | 253 | 239 | -14 | 46.904 | 137 |
| 53 | Hà Tĩnh | 290 | 286 | -4 | 46.638 | 48 |
| 54 | Bạc Liêu | 41 | 32 | -9 | 46.089 | 464 |
| 55 | Quảng Ngãi | 182 | 237 | 55 | 46.110 | 122 |
| 56 | T.T.Huê | 93 | 116 | 23 | 45.537 | 172 |
| 57 | An Giang | 45 | 61 | 16 | 40.846 | 1.376 |
| 58 | Kiên Giang | 16 | 81 | 65 | 39.480 | 1.004 |
| 59 | Tiền Giang | 4 | 3 | -1 | 36.184 | 1.220 |
| 60 | Sóc Trăng | 52 | 17 | -35 | 34.474 | 621 |
| 61 | Kon Tum | 23 | 22 | -1 | 26.085 | |
| 62 | Hậu Giang | 3 | 3 | 0 | 17.447 | 228 |
| 63 | Ninh Thuận | 4 | 4 | 0 | 8.649 | 57 |
| 14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương: | | | | | | |
| Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới: | | | | | 202 | - |
| | BVNĐ TW | | | | 96 | |
| | BV K | | | | 106 | |
| | Tổng cộng | 22.804 | 24.623 | 1.819 | 10.289.840 | 42.823 |

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 12/4/2022)

| TT | Tỉnh | Tổng số vắc xin phân bố 141 đợt | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi | Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi | Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bố 141 đợt |
|----|--------------|--|---------------------------------------|---------------------------------------|---|---|---|---|---|-----------------|---|
| 1 | Hà Nội | 17.786.564 | 6.233.259 | 6.010.087 | 0 | 217.331 | 4.370.582 | 702.554 | 679.835 | 18.213.648 | 102,4% |
| 2 | Hải Phòng | 4.421.396 | 1.699.340 | 1.627.234 | 0 | 578.510 | 448.418 | 173.649 | 174.568 | 4.701.719 | 106,3% |
| 3 | Thái Bình | 3.398.950 | 1.162.051 | 1.199.588 | 98.645 | 297.340 | 482.624 | 154.067 | 147.025 | 3.541.340 | 104,2% |
| 4 | Nam Định | 3.248.750 | 1.149.956 | 1.133.054 | 0 | 57.360 | 909.487 | 158.975 | 156.350 | 3.565.182 | 109,7% |
| 5 | Hà Nam | 1.826.260 | 584.761 | 576.216 | 0 | 277.206 | 300.166 | 71.440 | 69.249 | 1.879.038 | 102,9% |
| 6 | Ninh Bình | 1.881.900 | 675.426 | 668.271 | 0 | 235.215 | 363.910 | 82.255 | 79.446 | 2.104.523 | 111,8% |
| 7 | Thanh Hoá | 7.735.680 | 2.205.107 | 2.145.276 | 290.250 | 430.326 | 1.748.660 | 283.977 | 281.834 | 7.385.430 | 95,5% |
| 8 | Bắc Giang | 3.707.018 | 1.305.661 | 1.288.142 | 0 | 159.744 | 1.087.069 | 149.985 | 149.460 | 4.140.061 | 111,7% |
| 9 | Bắc Ninh | 3.217.100 | 1.137.912 | 1.096.477 | 0 | 360.518 | 548.365 | 116.900 | 111.006 | 3.371.178 | 104,8% |
| 10 | Phú Thọ | 2.731.680 | 1.003.167 | 1.000.799 | 0 | 287.369 | 414.578 | 130.499 | 126.587 | 2.962.999 | 108,5% |
| 11 | Vĩnh Phúc | 2.423.070 | 795.389 | 774.326 | 0 | 242.994 | 402.159 | 117.004 | 113.134 | 2.445.006 | 100,9% |

| TT | Tỉnh | Tổng số vắc xin phân bổ 141 đợt | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi | Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi | Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 141 đợt |
|----|----------------|--|---------------------------------------|---------------------------------------|---|---|---|---|---|-----------------|---|
| 12 | Hải Duong | 3.666.076 | 1.336.379 | 1.292.089 | 6.607 | 101.848 | 667.632 | 157.247 | 155.092 | 3.716.894 | 101,4% |
| 13 | Hưng Yên | 2.457.762 | 822.811 | 798.818 | 0 | 310.914 | 385.763 | 110.591 | 110.075 | 2.538.972 | 103,3% |
| 14 | Thái Nguyên | 2.762.820 | 916.321 | 888.549 | 12.792 | 208.973 | 367.765 | 111.273 | 108.257 | 2.613.930 | 94,6% |
| 15 | Bắc Cạn | 629.780 | 220.692 | 218.691 | 0 | 14.006 | 122.442 | 25.626 | 24.779 | 626.236 | 99,4% |
| 16 | Quảng Ninh | 3.281.368 | 1.013.444 | 987.870 | 0 | 21.625 | 900.410 | 124.328 | 120.979 | 3.168.656 | 96,6% |
| 17 | Hoà Bình | 1.713.630 | 558.835 | 532.045 | 758 | 238.508 | 193.525 | 76.963 | 72.961 | 1.673.595 | 97,7% |
| 18 | Nghệ An | 5.983.390 | 2.005.436 | 1.998.146 | 499.033 | 570.777 | 618.628 | 281.138 | 267.952 | 6.241.110 | 104,3% |
| 19 | Hà Tĩnh | 2.387.870 | 804.869 | 740.576 | 0 | 271.975 | 187.855 | 114.027 | 112.309 | 2.231.611 | 93,5% |
| 20 | Lai Châu | 847.910 | 257.166 | 247.118 | 529 | 108.397 | 101.255 | 54.439 | 48.734 | 817.638 | 96,4% |
| 21 | Lạng Sơn | 1.741.530 | 511.920 | 503.531 | 0 | 0 | 432.893 | 66.528 | 62.859 | 1.577.731 | 90,6% |
| 22 | Tuyên Quang | 1.497.740 | 493.748 | 491.893 | 0 | 35.763 | 346.673 | 70.237 | 67.026 | 1.505.340 | 100,5% |
| 23 | Hà Giang | 1.748.960 | 491.763 | 480.346 | 538 | 210.899 | 236.171 | 89.409 | 87.032 | 1.596.158 | 91,3% |
| 24 | Cao Bằng | 1.080.650 | 350.871 | 332.859 | 0 | 73.413 | 127.654 | 45.548 | 41.433 | 971.778 | 89,9% |

| TT | Tỉnh | Tổng số vắc xin phân bổ 141 đợt | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi | Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi | Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 141 đợt |
|--------------------------|----------------|--|---------------------------------------|---------------------------------------|---|---|---|---|---|-------------------|---|
| 25 | Yên Bái | 1.883.394 | 518.497 | 509.310 | 0 | 265.402 | 215.088 | 80.195 | 76.190 | 1.664.682 | 88,4% |
| 26 | Lào Cai | 1.676.710 | 467.678 | 457.660 | 0 | 257.368 | 158.083 | 81.663 | 76.631 | 1.499.083 | 89,4% |
| 27 | Sơn La | 2.114.070 | 739.958 | 708.180 | 2.362 | 0 | 392.991 | 143.832 | 132.455 | 2.119.778 | 100,3% |
| 28 | Điện Biên | 1.142.760 | 337.457 | 320.684 | 0 | 232.382 | 92.862 | 76.484 | 63.854 | 1.123.723 | 98,3% |
| Cộng miền Bắc | | 88.994.788 | 29.799.874 | 29.027.835 | 911.514 | 6.066.163 | 16.623.708 | 3.850.833 | 3.717.112 | 89.997.039 | 101,1% |
| 29 | Quảng Bình | 1.595.092 | 540.013 | 526.958 | 0 | 177.130 | 223.383 | 81.456 | 76.404 | 1.625.344 | 101,9% |
| 30 | Quảng Trị | 1.306.372 | 433.569 | 418.077 | 10.622 | 65.595 | 236.105 | 64.995 | 60.335 | 1.289.298 | 98,7% |
| 31 | TT- Huế | 2.599.206 | 787.658 | 768.411 | 0 | 281.130 | 361.156 | 104.695 | 98.714 | 2.401.764 | 92,4% |
| 32 | Tp. Đà Nẵng | 2.495.632 | 865.214 | 856.510 | 0 | 82.226 | 658.412 | 102.158 | 99.989 | 2.664.509 | 106,8% |
| 33 | Quảng Nam | 3.189.860 | 1.085.315 | 1.054.142 | 32.417 | 419.392 | 361.799 | 132.605 | 130.337 | 3.216.007 | 100,8% |
| 34 | Quảng Ngãi | 2.755.364 | 852.824 | 812.822 | 0 | 125.013 | 526.255 | 114.198 | 112.187 | 2.543.299 | 92,3% |
| 35 | Bình Định | 3.007.470 | 1.054.806 | 1.021.342 | 53.947 | 364.493 | 421.082 | 141.492 | 139.505 | 3.196.667 | 106,3% |
| 36 | Phú Yên | 1.732.454 | 626.892 | 602.548 | 508 | 79.506 | 300.201 | 87.336 | 81.904 | 1.778.895 | 102,7% |

| TT | Tỉnh | Tổng số vắc xin phân bổ 141 đợt | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi | Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi | Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 141 đợt |
|----------------------------|---------------|--|---------------------------------------|---------------------------------------|---|---|---|---|---|-------------------|---|
| 37 | Khánh Hòa | 2.768.354 | 979.700 | 952.919 | 0 | 395.584 | 353.763 | 122.282 | 114.960 | 2.919.208 | 105,4% |
| 38 | Ninh Thuận | 1.233.610 | 432.580 | 404.307 | 0 | 155.840 | 178.763 | 61.873 | 59.221 | 1.292.584 | 104,8% |
| 39 | Bình Thuận | 2.720.780 | 915.809 | 889.180 | 7.207 | 280.673 | 211.107 | 132.735 | 130.653 | 2.567.364 | 94,4% |
| Cộng miền Trung | | 25.404.194 | 8.574.380 | 8.307.216 | 104.701 | 2.426.582 | 3.832.026 | 1.145.825 | 1.104.209 | 25.494.939 | 100,4% |
| 40 | Kon Tum | 1.046.940 | 321.497 | 321.595 | 10.696 | 94.874 | 115.428 | 59.062 | 55.787 | 978.939 | 93,5% |
| 41 | Gia Lai | 2.989.552 | 996.091 | 921.737 | 80.425 | 216.022 | 303.414 | 169.499 | 151.549 | 2.838.737 | 95,0% |
| 42 | Đắk Lắk | 3.597.000 | 1.261.028 | 1.203.577 | 0 | 519.863 | 279.316 | 182.529 | 168.994 | 3.615.307 | 100,5% |
| 43 | Đắk Nông | 1.350.840 | 403.319 | 399.800 | 0 | 212.786 | 142.026 | 68.070 | 65.742 | 1.291.743 | 95,6% |
| Cộng Tây Nguyên | | 8.984.332 | 2.981.935 | 2.846.709 | 91.121 | 1.043.545 | 840.184 | 479.160 | 442.072 | 8.724.726 | 97,1% |
| 44 | TP. HCM | 20.349.820 | 7.396.627 | 6.687.059 | 0 | 682.272 | 4.257.462 | 729.598 | 686.146 | 20.439.164 | 100,4% |
| 45 | BR-VT | 2.756.626 | 971.107 | 912.330 | 0 | 28.675 | 657.367 | 110.539 | 109.284 | 2.789.302 | 101,2% |
| 46 | Đồng Nai | 6.663.800 | 2.839.797 | 2.745.314 | 0 | 179.187 | 707.716 | 284.677 | 274.559 | 7.031.250 | 105,5% |

| TT | Tỉnh | Tổng số vắc xin phân bổ 141 đợt | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi | Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi | Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 141 đợt |
|----|------------|--|---------------------------------------|---------------------------------------|---|---|---|---|---|-----------------|---|
| 47 | Tiền Giang | 3.881.786 | 1.325.424 | 1.280.160 | 131.230 | 105.671 | 830.368 | 156.914 | 158.132 | 3.987.899 | 102,7% |
| 48 | Long An | 4.337.696 | 1.501.569 | 1.465.304 | 0 | 22.883 | 1.145.969 | 172.260 | 157.561 | 4.465.546 | 102,9% |
| 49 | Lâm Đồng | 3.026.380 | 983.340 | 967.878 | 0 | 527.992 | 256.554 | 140.220 | 121.295 | 2.997.279 | 99,0% |
| 50 | Tây Ninh | 2.710.444 | 948.905 | 896.548 | 0 | 32.471 | 507.711 | 109.066 | 100.641 | 2.595.342 | 95,8% |
| 51 | Cần Thơ | 2.793.358 | 944.925 | 927.177 | 6.009 | 343.845 | 317.979 | 110.566 | 103.366 | 2.753.867 | 98,6% |
| 52 | Sóc Trăng | 3.111.334 | 899.036 | 865.520 | 0 | 670.511 | 48.563 | 116.852 | 111.026 | 2.711.508 | 87,1% |
| 53 | An Giang | 4.242.110 | 1.374.883 | 1.358.314 | 191.902 | 473.829 | 413.945 | 206.909 | 192.281 | 4.212.063 | 99,3% |
| 54 | Bến Tre | 3.108.238 | 1.024.653 | 1.013.193 | 0 | 479.859 | 298.061 | 106.936 | 105.565 | 3.028.267 | 97,4% |
| 55 | Trà Vinh | 2.119.610 | 698.874 | 685.171 | 0 | 14.376 | 519.707 | 98.647 | 94.348 | 2.111.123 | 99,6% |
| 56 | Vĩnh Long | 2.621.820 | 779.033 | 765.619 | 0 | 290.698 | 349.957 | 92.890 | 88.112 | 2.366.309 | 90,3% |
| 57 | Đồng Tháp | 3.691.906 | 1.161.088 | 1.201.523 | 148 | 373.642 | 304.556 | 157.885 | 149.140 | 3.347.982 | 90,7% |
| 58 | Bình Dương | 6.322.152 | 2.634.142 | 2.196.403 | 0 | 163.789 | 1.380.296 | 199.855 | 167.983 | 6.742.468 | 106,6% |
| 59 | Bình | 2.415.804 | 753.459 | 723.118 | 0 | 221.711 | 262.527 | 109.584 | 100.949 | 2.171.348 | 89,9% |

| TT | Tỉnh | Tổng số vắc xin phân bổ 141 đợt | Mũi 1 cho người trên 18 tuổi | Mũi 2 cho người trên 18 tuổi | Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi | Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi | Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi | Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi | Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi | Tổng số tiêm | Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 141 đợt |
|--------------------------|---------------|--|---------------------------------------|---------------------------------------|---|---|---|---|---|-------------------|---|
| | Phước | | | | | | | | | | |
| 60 | Kiên Giang | 3.790.150 | 1.238.102 | 1.176.657 | 68.972 | 0 | 720.303 | 167.347 | 159.082 | 3.530.463 | 93,1% |
| 61 | Cà Mau | 2.933.010 | 819.787 | 809.044 | 0 | 436.097 | 125.606 | 112.601 | 111.924 | 2.415.059 | 82,3% |
| 62 | Bạc Liêu | 1.733.984 | 568.691 | 560.872 | 0 | 181.331 | 226.473 | 88.829 | 86.211 | 1.712.407 | 98,8% |
| 63 | Hậu Giang | 1.551.134 | 532.801 | 514.817 | 0 | 254.239 | 135.810 | 74.042 | 71.613 | 1.583.322 | 102,1% |
| Cộng miền Nam | | 84.161.162 | 29.396.243 | 27.752.021 | 398.261 | 5.483.078 | 13.466.930 | 3.346.217 | 3.149.218 | 82.991.968 | 98,6% |

Ghi chú:

- 5.787.546 liều vắc xin đợt 136-141 (1.061.760 liều vắc xin AstraZeneca và 4.725.786 liều vắc xin Pfizer) có Quyết định phân bổ ngày 08/4/2022

- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1, mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.

- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 67.130 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.

- Bộ Quốc phòng được cấp 1.649.420 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.465.775 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 371.772 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

- Bộ Công an được cấp 1.442.380 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 136.259 liều, trong đó có 59.924 mũi 1, 37.872 mũi 2 và 38.463 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 12/4/2022)

| TT | Tỉnh | Dân số 18 tuổi trở lên | Dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi |
|----|-----------|------------------------|----------------------|--------------------------------|--------------------------------|---|-----------------------------------|-----------------------------------|
| 1 | Hà Nội | 5.449.464 | 676.050 | 100,0% | 100,0% | 80,2% | 100,0% | 100,0% |
| 2 | Hải Phòng | 1.442.515 | 168.000 | 100,0% | 100,0% | 31,1% | 100,0% | 100,0% |
| 3 | Thái Bình | 1.245.000 | 150.000 | 93,3% | 96,4% | 38,8% | 100,0% | 98,0% |
| 4 | Nam Định | 1.159.000 | 159.266 | 99,2% | 97,8% | 78,5% | 99,8% | 98,2% |
| 5 | Hà Nam | 612.219 | 72.258 | 95,5% | 94,1% | 49,0% | 98,9% | 95,8% |
| 6 | Ninh Bình | 665.715 | 81.762 | 100,0% | 100,0% | 54,7% | 100,0% | 97,2% |
| 7 | Thanh Hoá | 2.204.426 | 285.497 | 100,0% | 97,3% | 79,3% | 99,5% | 98,7% |
| 8 | Bắc Giang | 1.280.197 | 150.059 | 100,0% | 100,0% | 84,9% | 100,0% | 99,6% |
| 9 | Bắc Ninh | 1.146.710 | 116.710 | 99,2% | 95,6% | 47,8% | 100,0% | 95,1% |
| 10 | Phú Thọ | 1.010.520 | 128.757 | 99,3% | 99,0% | 41,0% | 100,0% | 98,3% |
| 11 | Vĩnh Phúc | 789.896 | 115.958 | 100,0% | 98,0% | 50,9% | 100,0% | 97,6% |
| 12 | Hải Dương | 1.344.063 | 157.641 | 99,4% | 96,1% | 49,7% | 99,8% | 98,4% |
| 13 | Hưng Yên | 826.028 | 112.803 | 99,6% | 96,7% | 46,7% | 98,0% | 97,6% |

| TT | Tỉnh | Dân số 18 tuổi trở lên | Dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi |
|----------------------|-------------|------------------------|----------------------|--------------------------------|--------------------------------|---|-----------------------------------|-----------------------------------|
| 14 | Thái Nguyên | 918.061 | 107.936 | 100,0% | 96,8% | 40,1% | 100,0% | 100,0% |
| 15 | Bắc Cạn | 220.169 | 25.202 | 100,0% | 99,3% | 55,6% | 100,0% | 98,3% |
| 16 | Quảng Ninh | 1.020.234 | 121.623 | 99,3% | 96,8% | 88,3% | 100,0% | 99,5% |
| 17 | Hoà Bình | 570.146 | 73.734 | 98,0% | 93,3% | 33,9% | 100,0% | 99,0% |
| 18 | Nghệ An | 1.960.688 | 274.429 | 100,0% | 100,0% | 31,6% | 100,0% | 97,6% |
| 19 | Hà Tĩnh | 795.436 | 115.398 | 100,0% | 93,1% | 23,6% | 98,8% | 97,3% |
| 20 | Lai Châu | 261.410 | 52.540 | 98,4% | 94,5% | 38,7% | 100,0% | 92,8% |
| 21 | Lạng Sơn | 506.403 | 65.750 | 100,0% | 99,4% | 85,5% | 100,0% | 95,6% |
| 22 | Tuyên Quang | 488.140 | 72.401 | 100,0% | 100,0% | 71,0% | 97,0% | 92,6% |
| 23 | Hà Giang | 490.008 | 89.928 | 100,0% | 98,0% | 48,2% | 99,4% | 96,8% |
| 24 | Cao Bằng | 368.973 | 44.257 | 95,1% | 90,2% | 34,6% | 100,0% | 93,6% |
| 25 | Yên Bái | 510.271 | 79.169 | 100,0% | 99,8% | 42,2% | 100,0% | 96,2% |
| 26 | Lào Cai | 445.152 | 79.914 | 100,0% | 100,0% | 35,5% | 100,0% | 95,9% |
| 27 | Sơn La | 737.237 | 141.675 | 100,0% | 96,1% | 53,3% | 100,0% | 93,5% |
| 28 | Điện Biên | 339.186 | 67.539 | 99,5% | 94,5% | 27,4% | 100,0% | 94,5% |
| Cộng miền Bắc | | 28.807.267 | 3.786.256 | 100,0% | 100,0% | 57,7% | 100,0% | 98,2% |
| 29 | Quảng Bình | 541.719 | 79.538 | 99,7% | 97,3% | 41,2% | 100,0% | 96,1% |
| 30 | Quảng Trị | 453.602 | 65.509 | 95,6% | 92,2% | 52,1% | 99,2% | 92,1% |
| 31 | TT- Huế | 779.911 | 103.142 | 100,0% | 98,5% | 46,3% | 100,0% | 95,7% |
| 32 | Tp. Đà Nẵng | 885.070 | 102.225 | 97,8% | 96,8% | 74,4% | 99,9% | 97,8% |

| TT | Tỉnh | Dân số 18 tuổi trở lên | Dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi |
|------------------------|------------|------------------------|----------------------|--------------------------------|--------------------------------|---|-----------------------------------|-----------------------------------|
| 33 | Quảng Nam | 1.086.469 | 140.387 | 99,9% | 97,0% | 33,3% | 94,5% | 92,8% |
| 34 | Quảng Ngãi | 852.717 | 114.877 | 100,0% | 95,3% | 61,7% | 99,4% | 97,7% |
| 35 | Bình Định | 1.115.072 | 146.514 | 94,6% | 91,6% | 37,8% | 96,6% | 95,2% |
| 36 | Phú Yên | 649.673 | 85.684 | 96,5% | 92,7% | 46,2% | 100,0% | 95,6% |
| 37 | Khánh Hòa | 952.940 | 128.449 | 100,0% | 100,0% | 37,1% | 95,2% | 90,0% |
| 38 | Ninh Thuận | 409.689 | 57.230 | 100,0% | 98,7% | 43,6% | 100,0% | 100,0% |
| 39 | Bình Thuận | 902.470 | 128.964 | 100,0% | 98,5% | 23,4% | 100,0% | 100,0% |
| Cộng miền Trung | | 8.629.332 | 1.152.519 | 99,4% | 96,3% | 44,4% | 99,4% | 95,8% |
| 40 | Kon Tum | 338.741 | 60.751 | 94,9% | 94,9% | 34,1% | 97,2% | 91,8% |
| 41 | Gia Lai | 950.154 | 166.462 | 100,0% | 97,0% | 31,9% | 100,0% | 91,0% |
| 42 | Đắk Lắk | 1.266.098 | 185.763 | 99,6% | 95,1% | 22,1% | 98,3% | 91,0% |
| 43 | Đắk Nông | 404.872 | 68.824 | 99,6% | 98,7% | 35,1% | 98,9% | 95,5% |
| Cộng Tây Nguyên | | 2.959.865 | 481.800 | 100,0% | 96,2% | 28,4% | 99,5% | 91,8% |
| 44 | TP. HCM | 6.690.998 | 808.824 | 100,0% | 99,9% | 63,6% | 90,2% | 84,8% |
| 45 | BR-VT | 956.596 | 112.724 | 100,0% | 95,4% | 68,7% | 98,1% | 96,9% |
| 46 | Đồng Nai | 2.489.971 | 292.031 | 100,0% | 100,0% | 28,4% | 100,0% | 94,0% |
| 47 | Tiền Giang | 1.300.609 | 158.524 | 100,0% | 98,4% | 63,8% | 99,0% | 99,8% |
| 48 | Long An | 1.452.231 | 167.662 | 100,0% | 100,0% | 78,9% | 100,0% | 94,0% |
| 49 | Lâm Đồng | 972.137 | 131.801 | 100,0% | 99,6% | 26,4% | 100,0% | 92,0% |
| 50 | Tây Ninh | 954.662 | 103.358 | 99,4% | 93,9% | 53,2% | 100,0% | 97,4% |

| TT | Tỉnh | Dân số 18 tuổi trở lên | Dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi | Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi | Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi |
|----------------------|------------|------------------------|----------------------|--------------------------------|--------------------------------|---|-----------------------------------|-----------------------------------|
| 51 | Cần Thơ | 947.860 | 112.746 | 99,7% | 97,8% | 33,5% | 98,1% | 91,7% |
| 52 | Sóc Trăng | 866.520 | 111.555 | 100,0% | 99,9% | 5,6% | 100,0% | 99,5% |
| 53 | An Giang | 1.371.622 | 198.826 | 100,0% | 99,0% | 30,2% | 100,0% | 96,7% |
| 54 | Bến Tre | 1.038.922 | 104.446 | 98,6% | 97,5% | 28,7% | 100,0% | 100,0% |
| 55 | Trà Vinh | 698.227 | 96.275 | 100,0% | 98,1% | 74,4% | 100,0% | 98,0% |
| 56 | Vĩnh Long | 769.026 | 91.692 | 100,0% | 99,6% | 45,5% | 100,0% | 96,1% |
| 57 | Đồng Tháp | 1.245.157 | 159.973 | 93,2% | 96,5% | 24,5% | 98,7% | 93,2% |
| 58 | Bình Dương | 2.066.553 | 180.024 | 100,0% | 100,0% | 66,8% | 100,0% | 93,3% |
| 59 | Bình Phước | 758.594 | 107.044 | 99,3% | 95,3% | 34,6% | 100,0% | 94,3% |
| 60 | Kiên Giang | 1.190.277 | 172.958 | 100,0% | 98,9% | 60,5% | 96,8% | 92,0% |
| 61 | Cà Mau | 813.771 | 112.247 | 100,0% | 99,4% | 15,4% | 100,0% | 99,7% |
| 62 | Bạc Liêu | 572.580 | 90.822 | 99,3% | 98,0% | 39,6% | 97,8% | 94,9% |
| 63 | Hậu Giang | 536.163 | 70.270 | 99,4% | 96,0% | 25,3% | 100,0% | 100,0% |
| Cộng miền Nam | | 27.692.476 | 3.383.802 | 100,0% | 100,2% | 48,6% | 100,0% | 93,1% |

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 12/4/2022 đến 16h00 ngày 13/4/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 6.597 lượt người (nhập cảnh: 3.625, xuất cảnh: 2.972).
- + Tuyến VN-TQ: 600 lượt người (nhập cảnh: 273, xuất cảnh: 327).
- + Tuyến VN-Lào: 2.432 lượt người (nhập cảnh 1.247, xuất cảnh: 1.185).
- + Tuyến VN-CPC: 3.565 lượt người (nhập cảnh 2.105; xuất cảnh: 1.460).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 2.381 người trong đó:
 - + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 2.266 người (VN-TQ: 94; VN-Lào: 161, VN-CPC: 2011).
 - + Số người nhập cảnh trái phép: 0 người (VN-TQ: 0; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).
 - + Số người trao trả: 115 người (VN-TQ: 03; VN-Lào: 01, VN-CPC: 111).

II. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 13/4, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 20 tin/bài tiếng Việt; 38 ảnh trong nước và quốc tế; 8 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm thông tin Tư liệu và Đồ họa thực hiện 5 đồ họa về tình hình dịch bệnh COVID-19 ở Việt Nam.

TTXVN cập nhật thông tin về công tác phòng, chống dịch; chuẩn bị cho tiêm vaccine cho trẻ 5 - dưới 12 tuổi; trẻ em Mầm non tại nhiều địa phương được trở lại trường.

III. Bộ Thông tin và truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại: Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Tính đến hết 11/4, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.576.000 cuộc gọi (ngày 10/4 đã tiếp nhận và xử lý gần 2 nghìn cuộc gọi).

| | | | | | | | | | | |
|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| 01/4 | 02/4 | 03/4 | 04/4 | 05/4 | 06/4 | 07/4 | 08/4 | 09/4 | 10/4 | 11/4 |
| 2898 | 2630 | 1849 | 2864 | 3028 | 2898 | 2853 | 2378 | 2126 | 1404 | 1736 |

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 11/4/2022 đã tiếp nhận hơn 314 nghìn cuộc (ngày 11/4/2022 đã tiếp nhận 09 cuộc).

| | | | | | | | | | | | |
|----------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Tiêu chí | 01/4 | 02/4 | 03/4 | 04/4 | 05/4 | 06/4 | 07/4 | 08/4 | 09/4 | 10/4 | 11/4 |
| | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | |
|--------------------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
| Cuộc gọi đến | 22 | 17 | 12 | 18 | 15 | 13 | 21 | 14 | 11 | 08 | 09 |
|--------------------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9/2021, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC-Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 43.074.620, chiếm 44,90% dân số, 64,59% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.787.436 điểm đăng ký

+ Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 278.178.721

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 208.596.156

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 196.448.036

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 94,18%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 33.740.021

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.

- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...

(1) Nhận định chung:

- Báo chí thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCD Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19; tuyên truyền về các biện pháp phòng, chống dịch của bộ, ngành, địa phương...

- Tuyên truyền nâng cao ý thức người dân, không được lơ là, chủ quan khi số ca mắc giảm.

(2) Thông tin về công tác phòng, chống dịch:

- Bộ Y tế đánh giá dịch bệnh cơ bản đang được kiểm soát trên phạm vi cả nước. Số ca mắc mới có xu hướng giảm tại hầu hết các tỉnh, TP trong tuần qua, số trường hợp tử vong giảm mạnh, còn trên dưới 30 ca mỗi ngày (ngày 10/4 ghi nhận giảm còn 19 ca tử vong). Bộ Y tế đang cập nhật, xây dựng kế hoạch đáp ứng và phòng chống

dịch Covid-19 nhằm tiến tới chấm dứt giai đoạn khẩn cấp của đại dịch theo 3 tình huống phù hợp với hướng dẫn mới nhất của WHO.

- Nhật Bản phát hiện ca nhiễm biến thể mới XE đầu tiên: Ngày 11/4, Bộ Y tế Nhật Bản thông báo ca nhiễm biến thể mới mang tên XE đầu tiên ở nước này là một phụ nữ đến từ Mỹ và xuống sân bay Narita vào ngày 26/3.

Biến thể XE là biến thể tái tổ hợp giữa hai biến thể phụ BA.1 và BA.2 của dòng Omicron. Thái Lan là quốc gia đầu tiên ở Đông Nam Á báo cáo về biến thể XE, với ca nghi nhiễm được xác định ngày 2/4. Tiếp đó là các ca được ghi nhận tại Ấn Độ ngày 6/4 và 9/4.

(3) Công tác phòng, chống dịch tại địa phương:

- TP. Hồ Chí Minh: Các trường học tại Thành phố Hồ Chí Minh đang tất bật nhập dữ liệu, thông tin lên hệ thống tiêm chủng quốc gia, chuẩn bị sẵn sàng cho những ngày tiêm sắp đến. Đại diện nhiều trường học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh cho biết, thầy cô luôn muốn các em học sinh được tiêm vắc xin để an toàn trong phòng chống dịch khi đi học, sinh hoạt tại gia đình. Tuy nhiên, các ban ngành chức năng của thành phố đã khẳng định, việc cho trẻ tiêm vắc xin là hoàn toàn tự nguyện, dựa trên những điều kiện cụ thể mà phụ huynh sẽ là người chịu trách nhiệm quyết định.

- Hà Nội: Sau gần 1 năm phải tạm dừng mở cửa để phòng tránh dịch COVID-19, các cơ sở giáo dục mầm non đang tập trung rà soát lại toàn bộ hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng học tập để sửa chữa, mua mới sẵn sàng đón trẻ trở lại trường.

- Vĩnh Phúc: Thông tin từ Công an tỉnh Vĩnh Phúc cho biết, Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh vừa điều tra, làm rõ đường dây làm giả hàng trăm giấy xét nghiệm COVID-19, giấy khám sức khỏe để bán cho người lao động có nhu cầu xin việc tại các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh Vĩnh Phúc.